

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	Tiếng Việt: Kinh tế học đại cương Tiếng Anh: General Economics
1.2	Mã học phần	EC101
1.3	Thuộc khối kiến thức	Kiến thức đại cương
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Kinh tế - Quản lý
1.6	Số tín chỉ	3
1.7	Điều kiện tiên quyết	không
1.8	Thời lượng	27 giờ trên lớp + 18 giờ SV tự học online
1.9	Thời lượng giảng dạy kết hợp Elearning	18 giờ
1.9	Ngày ban hành	21/04/2022

2. YÊU CẦU ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Về **trang thiết bị**, lớp học cần được trang bị máy tính, máy chiếu để thuyết giảng, thuyết trình; sinh viên cần in sẵn các tài liệu như slide, bài tập và tài liệu đọc.

Về **nội quy**, mỗi tuần có 3 giờ học trực tiếp trên lớp và 2 giờ sinh viên tự học bằng các học liệu trên hệ thống Elearning của trường.

- Đối với giờ học trực tiếp:

- + Sinh viên phải tham gia học ít nhất 70% số giờ.
- + Sinh viên đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp học và được coi là nghỉ học buổi học đó.
- + Sinh viên cần làm đủ 1 bài kiểm tra của học phần.
- + Sinh viên bắt buộc phải tham gia làm các bài tập trên lớp.
- + Khi vào lớp, sinh viên cần thực hiện nghiêm túc Nội quy lớp học.

- Đối với giờ tự học

- + Chuẩn bị thiết bị (máy tính, smart phone).

- + Đọc tài liệu đọc trước khi nghe video bài giảng.
- + Hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm sau mỗi chương.
- + Trả lời các câu hỏi sau mỗi chương của tài liệu đọc.
- + Bắt buộc làm bài thi cuối kỳ.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Kiến thức về kinh tế học được coi là kiến thức nền tảng cho các ngành học về kinh tế. Học phần này thuộc khối kiến thức đại cương sẽ trang bị hệ thống các kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô (nghiên cứu các vấn đề về cung và cầu trên thị trường) và kinh tế học vĩ mô (nghiên cứu các biến số của nền kinh tế tổng thể) giúp người học có được tư duy của nhà kinh tế để hiểu, vận dụng và phân tích được các hiện tượng kinh tế trong thực tế.

3.1 Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: Vận dụng một cách thành thạo các kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô đã học.	1.1 Hiểu được bản chất 10 nguyên lý của Kinh tế học. 1.2 Hiểu và phân biệt được ý nghĩa của lý thuyết lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh để qua đó giải thích được lợi ích của thương mại. 1.3. Hiểu được các vấn đề cơ bản về cung cầu. 1.4. Phân tích được tác động của chính sách thuế và trợ cấp của chính phủ đối với thị trường. 1.5. Hiểu và vận dụng tính toán một cách đơn giản các biến số vĩ mô như GDP, tăng trưởng kinh tế, lạm phát và thất nghiệp.
CO2: Vận dụng một cách chủ động cách lập luận theo tư duy của nhà kinh tế để tìm kiếm thông tin kinh tế.	2.1. Giải thích một số hiện tượng kinh tế dựa trên các nguyên lý đã học. 2.2. Phân tích ở mức độ đơn giản các nguyên nhân gây ra sự thay đổi giá cả trên một thị trường cụ thể. 2.3 Đánh giá ở mức độ cơ bản tác động của chính sách thuế đối với một thị trường cụ thể. 2.4. Hiểu được ý nghĩa của các số liệu thống kê vĩ mô.
CO3: Rèn luyện tính chủ động, trung thực trong học tập, quản lý hiệu quả thời gian, có trách nhiệm với các nhiệm vụ học tập được giao.	3.1. Hoàn thành một cách nghiêm túc các nhiệm vụ học tập được giao 3.2. Thể hiện kỹ năng tư duy như một nhà kinh tế để tự tin đưa ra các ý kiến cá nhân khi thảo luận

3.2 Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT				
		1.1.2.	1.3.1.	2.2.1.	2.2.2	2.2.3
1.	Vận dụng một cách thành thạo các kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô đã học.					
1.1.	Hiểu được bản chất 10 nguyên lý của Kinh tế học	K1				
1.2.	Hiểu và phân biệt được ý nghĩa của lý thuyết lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh để qua đó giải thích được lợi ích của thương mại	K1				
1.3.	Hiểu được các vấn đề cơ bản về cung cầu		K1			
1.4.	Phân tích được tác động của chính sách thuế và trợ cấp của chính phủ đối với thị trường	K2				
1.5.	Hiểu và vận dụng tính toán một cách đơn giản các biến số vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, lạm phát và thất nghiệp	K2				
2.	Vận dụng một cách chủ động cách lập luận theo tư duy của nhà kinh tế để tìm kiếm thông tin kinh tế					
2.1.	Giải thích một số hiện tượng kinh tế dựa trên các nguyên lý đã học		K2	S1	S1	
2.2.	Phân tích ở mức độ đơn giản các nguyên nhân gây ra sự thay đổi giá cả trên một thị trường cụ thể		K2	S1	S1	
2.3.	Đánh giá ở mức độ cơ bản tác động của chính sách thuế đối với một thị trường cụ thể		K2			
2.4.	Hiểu được ý nghĩa của các số liệu thống kê vĩ mô	K1				
3.	Rèn luyện tính chủ động, trung thực trong học tập, quản lý hiệu quả thời gian, có trách nhiệm với các nhiệm vụ học tập được giao.					
3.1.	Hoàn thành một cách nghiêm túc các nhiệm vụ học tập được giao			S1		S2
3.2.	Thể hiện kỹ năng tư duy như một nhà kinh tế để tự tin đưa ra các ý kiến cá nhân khi thảo luận			S2		

K: Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá
 A: Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hồi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách
 S: Kỹ năng 1 - Bất chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Tuần	Nội dung	Số giờ		CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
		LT	BT/TL				
1	<p>Chương 1: Tổng quan về kinh tế học</p> <p>1.1 Khái niệm đối tượng nghiên cứu của kinh tế học</p> <p>1.2 Các bộ phận của kinh tế học</p> <p>1.3 Các nguyên lý của kinh tế học</p>	4	1	<p>1.1_1</p> <p>2.1_1</p> <p>3.1_1</p>	<p><u>GV</u>: Giới thiệu học phần (đề cương chi tiết, tài liệu học tập, đánh giá người học, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ).</p> <p>Hướng dẫn SV phương pháp học tập kết hợp giữa học trực tiếp và tự học bằng học liệu trực tuyến</p> <p>Phổ biến nội quy lớp học.</p> <p>Thuyết giảng nhấn mạnh các nội dung chính về lý thuyết trong chương 1: khái niệm và ý nghĩa của chi phí cơ hội, sự phân biệt giữa kinh tế học vĩ mô và vi mô, kinh tế học thực chứng và chuẩn tắc, bản chất của 10 nguyên lý.</p> <p>Giao bài tập cho SV về cách xác định chi phí cơ hội</p> <p><u>SV</u>: Đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp</p> <p>Hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm và làm bài tập của chương 1</p>		<p>[1] Chương 1</p> <p>[2] Chương 1 và 2</p> <p>[4] Chương 1 và 2</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					Trả lời câu hỏi trong tài liệu đọc		
2	Chương 2: Lợi ích từ thương mại 2.1 Đường giới hạn khả năng sản xuất PPF 2.2 Lợi ích từ thương mại	3	2	1.2_2 2.1_1 3.1_1	<u>GV</u> : Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập và câu hỏi trắc nghiệm của chương 1 Thuyết giảng nhấn mạnh các nội dung chính về lý thuyết trong chương 2: khái niệm và ý nghĩa của đường PPF; lý thuyết lợi thế tuyệt đối (ý nghĩa và cách xác định) và lý thuyết lợi thế so sánh (ý nghĩa và cách xác định) Giao bài tập cho SV về xây dựng đường PPF, xác định lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh SV: Đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp Hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm và làm bài tập của chương 2 Trả lời câu hỏi trong tài liệu đọc	Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc	[1]Chương 1 và 2 [2] Chương 3
3	Chương 3: Cung – cầu 3.1 Thị trường và các cấu trúc thị trường	2	3	1.1_1 1.3_1 2.1_2	<u>GV</u> : Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập và câu hỏi trắc nghiệm của chương 2	Mini test bằng hình thức trắc nghiệm	[1] Chương 2 [2] Chương 3 [4] Chương 4

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	3.2 Cầu			2.2_2 3.1_1 3.2_1	<p>Thuyết giảng nhấn mạnh các nội dung chính về lý thuyết về khái niệm thị trường và các vấn đề lý thuyết về cầu (luật cầu, đường cầu, hàm cầu và phân biệt sự di chuyển và dịch chuyển của đường cầu)</p> <p>Giao bài tập cho SV về xác định phương trình hàm cầu cá nhân và cầu thị trường, vẽ đồ thị đường cầu thị trường</p> <p>SV: Đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp</p> <p>Trả lời câu hỏi trong tài liệu đọc</p>	(thời gian kiểm tra 20 phút gồm 10 câu hỏi trắc nghiệm về khái niệm chi phí cơ hội, lợi thế so sánh và lợi thế tuyệt đối)	
4	3.3 Cung 3.4 Cân bằng cung cầu 3.5 Sự thay đổi của giá và lượng cân bằng khi cung và cầu thay đổi	3	2	1.1_1 1.3_2 2.1_2 2.2_1 3.1_1 3.2_1	<p><u>GV</u>: Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập và câu hỏi trắc nghiệm của chương 3</p> <p>Thuyết giảng nhấn mạnh các nội dung chính về lý thuyết trong phần còn lại của chương 3 gồm luật cung, các yếu tố ảnh hưởng đến cung; cách xác định trạng thái cân bằng, trạng thái dư cung, dư cầu; sự thay đổi của cung và/hoặc cầu ảnh hưởng như thế nào đến trạng thái cân bằng của thị trường.</p>	Kiểm tra việc làm câu hỏi trắc nghiệm chương 3 với nội dung các câu hỏi tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng	[1] Chương 2 [2] Chương 3 [4] Chương 4

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					<p>Giao bài tập cho SV về xác định phương trình hàm cung cá nhân và cung thị trường; xác định giá và lượng cân bằng; xác định doanh thu tại điểm cân bằng, doanh thu tại trạng thái dư cung hoặc dư cầu; xác định giá và lượng cân bằng khi có sự thay đổi của cung hoặc cầu.</p> <p>SV: Đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp</p> <p>Hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm và làm bài tập của chương 3</p> <p>Trả lời câu hỏi trong tài liệu đọc</p>	đến cung và cầu	
5	<p>Chương 4: Hệ số co giãn</p> <p>4.1 Hệ số co giãn của cầu</p> <p>4.2 Hệ số co giãn của cung</p> <p>4.3 Một số ứng dụng của hệ số co giãn</p>	3	2	<p>1.3_2</p> <p>2.1_2</p> <p>2.2_2</p> <p>3.1_1</p> <p>3.2_1</p>	<p><u>GV</u>: Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập và câu hỏi trắc nghiệm của chương 3</p> <p>Thuyết giảng nhấn mạnh các nội dung chính về lý thuyết trong chương 4</p> <p>Giao bài tập cho SV về cách tính hệ số co giãn của cầu theo giá, theo thu nhập và hệ số co giãn chéo.</p>	Đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức qua các câu hỏi của tình huống thảo luận	<p>[1] Chương 3</p> <p>[2] Chương 4</p> <p>[4] Chương 5</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					<p>Hướng dẫn SV thảo luận một số tình huống ứng dụng hệ số co giãn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tại sao khi được mùa người nông dân không mừng mà lại lo? + Tại sao các nước OPEC khó giữ giá dầu ở mức cao như mong muốn? <p>SV: Đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp</p> <p>Hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm và làm bài tập của chương 4</p> <p>Trả lời câu hỏi trong tài liệu đọc</p> <p>Tham gia thảo luận một số tình huống ứng dụng hệ số co giãn</p>		
6	<p>Chương 5: Hiệu quả thị trường</p> <p>5.1 Thặng dư của người tiêu dùng</p> <p>5.2 Thặng dư của người sản xuất</p> <p>5.3 Hiệu quả thị trường</p>	3	2	<p>1.1_1</p> <p>1.2_1</p> <p>1.4_2</p> <p>2.3_2</p> <p>3.1_1</p> <p>3.2_1</p>	<p><u>GV</u>: Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập và câu hỏi trắc nghiệm của chương 4</p> <p>Thuyết giảng nhấn mạnh các nội dung chính về lý thuyết trong chương 5: bản chất khái niệm và cách tính thặng dư tiêu dùng, thặng dư sản xuất</p>	<p>Kiểm tra phần làm câu hỏi trắc nghiệm và bài tập về tính thặng dư tiêu</p>	<p>[1] Chương 2 và 7</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					<p>qua đó phản ánh hiệu quả của thị trường như thế nào.</p> <p>Giao bài tập cho SV về tính thặng dư tiêu dùng và thặng dư sản xuất tại trạng thái cân bằng và khi chính phủ áp đặt giá</p> <p>Hệ thống nhanh các nội dung đã học từ chương 1 đến chương 5 và hướng dẫn SV chuẩn bị làm bài kiểm tra quá trình.</p> <p>SV: Đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp</p> <p>Hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm và làm bài tập của chương 5</p> <p>Trả lời câu hỏi trong tài liệu đọc</p>	<p>dùng và thặng dư sản xuất, cách vẽ đồ thị khi tính thặng dư.</p>	[4]- Chương 6
7	<p>Chương 6: Chính sách của chính phủ</p> <p>6.1 Các biện pháp kiểm soát giá</p> <p>6.2 Tác động của chính sách thuế</p> <p>6.3 Chi phí xã hội của thuế</p>	2	3	<p>1.1_2</p> <p>1.4_1</p> <p>2.1_2</p> <p>2.2_2</p> <p>2.3_2</p> <p>3.1_1</p>	<p><u>GV</u>: Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập và câu hỏi trắc nghiệm của chương 5</p> <p>Thuyết giảng nhấn mạnh các nội dung chính về lý thuyết trong chương 6: phân biệt chính sách giá trần và giá sàn, phân tích tác động của chính sách thuế đối với thị trường, phân tích chi phí</p>	<p>Làm bài kiểm tra quá trình (thời gian 1 tiết bao gồm 10 câu hỏi</p>	<p>[1]- Chương 7</p> <p>[4] Chương 6 và 8</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra	Tài liệu tham khảo
						đánh giá	
				3.2_1	<p>xã hội của thuế dưới góc độ sự thay đổi của thặng dư tiêu dùng và thặng dư sản xuất.</p> <p>Giao bài tập cho SV về tính toán tác động của chính sách thuế và chính sách trợ cấp đến giá và lượng cân bằng trên thị trường, đến, sự thay đổi của thặng dư sản xuất và thặng dư tiêu dùng khi có chính sách kiểm soát giá của chính phủ</p> <p>SV: Đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp</p> <p>Hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm và làm bài tập của chương 6</p> <p>Trả lời câu hỏi trong tài liệu đọc</p> <p>Tham gia kiểm tra quá trình</p>	<p>trắc nghiệm</p> <p>tổng hợp các phần kiến thức từ chương 1 đến chương 5 và 1 bài tập vận dụng kiến thức đã học ở chương 3, 4 và 5 để viết phương trình đường cung và đường cầu, xác định</p>	

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
						giá và lượng tại tráng thái cân bằng, tính toán hệ số co giãn của cung và cầu, tính thặng dư của người tiêu dùng và người sản xuất)	
8	<p>Chương 7: Đo lường thu nhập và tăng trưởng kinh tế</p> <p>7.1 Một số chỉ tiêu đo lường thu nhập</p> <p>7.2 Tăng trưởng kinh tế</p>	3	2	1.5_1 2.4_1 3.1_1 3.2_1	<p><u>GV</u>: Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập và câu hỏi trắc nghiệm của chương 6</p> <p>Thuyết giảng nhấn mạnh các nội dung chính về lý thuyết trong chương 7: bản chất khái niệm GDP</p>	Kiểm tra phản trả lời câu hỏi trong tài liệu đọc về sự phân biệt giữa khái	[1]Chương 14 và 15 [3]Chương 4 và 15 [4]Chương 22 và 24

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					<p>Giao bài tập cho SV về tính toán GDP danh nghĩa, GDP thực tế, chỉ số điều chỉnh GDP và tốc độ tăng trưởng kinh tế.</p> <p>SV: Đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp</p> <p>Hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm và làm bài tập của chương 7</p> <p>Trả lời câu hỏi trong tài liệu đọc</p>	<p>niệm GDP và GNP, phân biệt GDP danh nghĩa và GDP thực tế, hiểu về cách tính toán tăng trưởng kinh tế và ý nghĩa của chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng.</p>	
9	<p>Chương 8: Lạm phát và thất nghiệp</p> <p>8.1 Lạm phát</p> <p>8.2 Thất nghiệp</p>	3	2	<p>1.1_1</p> <p>1.5_1</p> <p>2.4_2</p> <p>3.1_1</p> <p>3.2_1</p>	<p><u>GV:</u> Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập và câu hỏi trắc nghiệm của chương 7</p> <p>Thuyết giảng nhấn mạnh các nội dung chính về lý thuyết trong chương 8: bản chất khái niệm lạm phát và thất nghiệp; cách tính toán lạm phát và thất nghiệp</p>		<p>[1]Chương 14</p> <p>[3]Chương 11</p> <p>[4]Chương 23 và 28</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					<p>Hệ thống lại các kiến thức đã học và hướng dẫn SV về bài thi cuối kỳ</p> <p>Tổng kết và công bố điểm quá trình</p> <p>SV: Đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp</p> <p>Hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm và làm bài tập của chương 8</p> <p>Trả lời câu hỏi trong tài liệu đọc</p>		

CDR học phần có cấu trúc: STT của CDR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

Kiến thức	1 - Biết/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hồi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tính cách	
Kỹ năng	1 - Bất chước	2 - Thao tác được	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phần triển khai kết hợp nhiều phương pháp dạy học sau:

Phương pháp tự học: Người học tự học thông qua việc đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trên hệ thống Elearning và trả lời các câu hỏi tự luận, trắc nghiệm sau mỗi chương. Điều này giúp người học có kỹ năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức và chủ động học hỏi.

Phương pháp Thuyết trình: Giảng viên trình bày kiến thức mới, cập nhật những thông tin không có trong sách, tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống.

Phương pháp Bài tập: Giảng viên giao bài tập cho người học chuẩn bị trước khi đến lớp hoặc sau giờ học. Trong giờ bài tập, giảng viên có thể tổ chức thảo luận, chữa bài tập.

Phương pháp Thảo luận: Giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

Các phương pháp dạy - học trên tạo điều kiện cho người học thành thạo các kỹ năng chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra của học phần, rèn luyện khả năng học tập suốt đời, đồng thời giúp cho giảng viên tổ chức hoạt động trên lớp hiệu quả hơn.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng 03 phương pháp đánh giá kết quả học tập:

- **Chuyên cần và thái độ học tập** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);

- **Bài tập** (công cụ đánh giá: đáp án, trong quá trình học);

- **Trắc nghiệm + Tự luận** (công cụ đánh giá: đáp án; đối với 01 bài kiểm tra quá trình, thời gian 50 phút và 01 bài thi cuối kỳ, thời gian 90 phút).

Điểm quá trình = Điểm kiểm tra quá trình * 90% + Điểm chuyên cần, thái độ học tập * 10% + Điểm cộng (nếu có)

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 40% + Điểm thi * 60%.

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học				Phương pháp đánh giá			
		Thự học	Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Chuyên cần và thái độ học tập	Bài tập	Tự luận	Trắc nghiệm
1.	Vận dụng một cách thành thạo các kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô đã học.								
1.1.	Hiểu được bản chất 10 nguyên lý của Kinh tế học	x	x		x	x		x	x
1.2.	Hiểu và phân biệt được ý nghĩa của lý thuyết lợi thế tuyệt đối và lợi thế so sánh để qua đó giải thích được lợi ích của thương mại	x	x	x		x	x	x	x
1.3.	Hiểu được các vấn đề cơ bản về cung cầu	x	x	x	x	x	x	x	x
1.4.	Phân tích được tác động của chính sách thuế và trợ cấp của chính phủ đối với thị trường	x	x	x	x	x	x	x	x
1.5.	Hiểu và vận dụng tính toán một cách đơn giản các biến số vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, lạm phát và thất nghiệp	x	x	x		x	x	x	x
2	Vận dụng một cách chủ động cách lập luận theo tư duy của nhà kinh tế để tìm kiếm thông tin kinh tế								
2.1.	Giải thích một số hiện tượng kinh tế dựa trên các nguyên lý đã học	x	x		x	x		x	x
2.2.	Phân tích ở mức độ đơn giản các nguyên nhân gây ra sự thay đổi giá cả trên một thị trường cụ thể	x	x		x	x		x	x
2.3.	Đánh giá ở mức độ cơ bản tác động của chính sách thuế đối với một thị trường cụ thể	x	x	x	x	x	x	x	x
2.4.	Hiểu được ý nghĩa của các số liệu thống kê vĩ mô	x	x	x		x	x		x
3.	Rèn luyện tính chủ động, trung thực trong học tập, quản lý hiệu quả thời gian, có trách nhiệm với các nhiệm vụ học tập được giao.								

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học				Phương pháp đánh giá			
		Thư học	Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Chuyên cần và thái độ học tập	Bài tập	Tự luận	Trắc nghiệm
3.1	Hoàn thành một cách nghiêm túc các nhiệm vụ học tập được giao	x	x	x		x	x	x	X
3.2	Thể hiện kỹ năng tư duy như một nhà kinh tế để tự tin đưa ra các ý kiến cá nhân khi thảo luận	x			x	x		x	x

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

[1] Vũ Kim Dũng; Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình kinh tế học*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

Tài liệu tham khảo:

[2] David Begg (2012), *Kinh tế học vi mô*, Nhà xuất bản Thống kê.

[3] David Begg (2012), *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Thống kê.

[4] Tập bài giảng *Kinh tế học đại cương*, Tập thể giảng viên Bộ môn Kinh tế học, Khoa Kinh tế-Quản lý biên soạn (lưu hành nội bộ).

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1.	Trần Thị Thùy Linh	Tiến sỹ	Kinh tế học, Kinh tế quốc tế
2.	Nguyễn Phương Mai	Thạc sỹ	Kinh tế học, Kinh tế phát triển
3.	Lê Thị Kim Chung	Tiến sỹ	Kinh tế học, Kinh tế quốc tế
4.	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thạc sỹ	Kinh tế học, Kinh tế quốc tế
5.	Vũ Đức Hiếu	Thạc sỹ	Kinh tế học, Kinh tế quốc tế
6.	Nguyễn Thị Phương	Tiến sỹ	Kinh tế học, Kinh tế quốc tế
7.	Lê Việt Đức	Tiến sỹ	Kinh tế học, Kinh tế phát triển

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Kinh tế học có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

- Giảng viên có nhiệm vụ phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần.

- Giảng viên thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết học phần đã được duyệt.

TRƯỞNG KHOA**GS.TS. Nguyễn Khắc Minh****TRƯỞNG BỘ MÔN****TS. Trần Thị Thùy Linh****NGƯỜI BIÊN SOẠN****TS. Trần Thị Thùy Linh**

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học nhỏ hơn 10% so với quy định (5 tiết/ 50 tiết)	Vắng học từ 10% đến nhỏ hơn 20% so với quy định (10 tiết/ 50 tiết)	Vắng học từ 25% đến nhỏ hơn 30% so với quy định (12 tiết/ 50 tiết)	Vắng học quá 30% số giờ theo quy định (15 tiết/ 50 tiết)	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo, ...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (> 75% N (N được tính 100% hoạt động))	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75% N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50% N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25% N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Làm trên 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 50% đến 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 25% đến 50% bài tập cá nhân.	Làm tối đa 25% bài tập cá nhân.	Không làm bài tập cá nhân.	15%

PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI

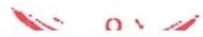
TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
I.	Phần I: Trắc nghiệm				
1.	Tổng quan về kinh tế học				
1.1	Khái niệm và sự phân chia của kinh tế học	1 câu 0,25 điểm 2,5%			1 câu 0,25 điểm 2,5 %
1.2	Các nguyên lý của kinh tế học		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
2.	Lợi ích từ thương mại				
2.1	Đường PPF	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %
2.2	Xác định lợi thế so sánh		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
3.	<i>Lý thuyết cung cầu</i>				
3.1	Các yếu tố ảnh hưởng đến cung và cầu		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
3.2	Trạng thái cân bằng của thị trường			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
3.3	Phân biệt sự di chuyển và dịch chuyển			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.	<i>Hệ số co giãn</i>				
4.1	Hệ số co giãn của cầu (cung) theo giá		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.2	Hệ số co giãn của cầu theo thu nhập		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.3	Hệ số co giãn chéo của cầu theo giá		1 câu		1 câu

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
			0,25 điểm		0,25 điểm
			2,5 %		2,5 %
5.	<i>Hiệu quả thị trường</i>				
5.1	Thặng dư của người tiêu dùng			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
5.2	Thặng dư của người sản xuất			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
6.	<i>Tác động chính sách của chính phủ</i>				
6.1	Tác động của chính sách giá trần/giá sàn			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
6.2	Tác động và chi phí xã hội của chính sách thuế		1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %	2 câu 0,5 điểm 5 %
7.	<i>Đo lường thu nhập và tăng trưởng kinh tế</i>				
7.1	Các vấn đề cơ bản về GDP	1 câu			1 câu

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
		0,25 điểm			0,25 điểm
		2,5 %			2,5 %
7.2	Tăng trưởng kinh tế		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
8.	Lạm phát và thất nghiệp				
8.1	Khái niệm lạm phát và thất nghiệp	1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %		2 câu 0,5 điểm 5 %
8.2	Đo lường lạm phát và thất nghiệp			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
II.	Tự luận				
<i>1.</i>	<i>Bài tập 1 về cung cầu</i>				
1.1	Viết phương trình hàm cung, hàm cầu, vẽ đồ thị		1 câu 1,5 điểm 15%		1 câu 1,5 điểm 15%
1.2	Xác định mức giá và sản lượng cân bằng		1 câu		1 câu

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
			0,5 điểm		0,5 điểm
			5%		5%
1.3	Xác định giá và lượng cân bằng mới khi cung hoặc cầu thay đổi			1 câu 1 điểm 10%	1 câu 1 điểm 10%
2.	Bài tập 2 về GDP				
2.1	Tính GDP danh nghĩa và GDP thực tế		1 câu 1 điểm 10%		1 câu 1 điểm 10%
2.2	Tính chỉ số điều chỉnh GDP		1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 0,5 điểm 5%
2.3	Tính tốc độ tăng trưởng kinh tế/tỷ lệ lạm phát			1 câu 0,5 điểm 5%	1 câu 0,5 điểm 5%
	Tổng số câu	4 câu	13 câu	9 câu	26 câu
	Tổng số điểm	1,0 điểm	5,75 điểm	3,25 điểm	10,0 điểm
	Tỷ lệ %	10%	57,5%	32,5%	100%





ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	<i>Tiếng Việt:</i> Kinh tế học vi mô <i>Tiếng Anh:</i> Microeconomics
1.2	Mã học phần	EC204
1.3	Thuộc khối kiến thức	Cơ sở khối ngành
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Kinh tế - Quản lý
1.6	Số tín chỉ	3
1.7	Điều kiện tiên quyết	Kinh tế học đại cương (EC101)
1.8	Thời lượng	36 lý thuyết + 18 giờ bài tập
1.9	Ngày ban hành	21/4/2022

2. YÊU CẦU ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Về trang thiết bị, lớp học cần được trang bị bảng phấn, máy tính, máy chiếu để thuyết giảng, sinh viên cần in sẵn các tài liệu như slide, bài tập và tài liệu đọc.

Về nội quy, mỗi tuần có 6 giờ học trực tiếp trên lớp. Yêu cầu:

- Sinh viên phải tham gia học ít nhất 70% số giờ học.
- Sinh viên đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp học và được coi là nghỉ học buổi học đó.
- Sinh viên cần làm đủ 1 bài kiểm tra của học phần.
- Sinh viên bắt buộc phải tham gia làm các bài tập và tích cực thảo luận trên lớp.
- Khi vào lớp, sinh viên cần thực hiện nghiêm túc *Nội quy lớp học*.
- Bắt buộc làm bài thi cuối kỳ.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Kinh tế học vi mô là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Học phần này cung cấp những kiến thức về các lý thuyết mô tả hành vi và cách thức ra quyết định của các thành viên trong một nền kinh tế (hộ gia đình, doanh nghiệp và chính phủ). Cụ thể, những mô hình lý thuyết trong học phần giúp trả lời các câu hỏi như: (i) các cá nhân, hộ

gia đình sẽ lựa chọn sử dụng các nguồn lực khan hiếm (thu nhập, thời gian) của mình như thế nào? (ii) Những loại chi phí nào phát sinh trong hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp? (iii) Với mục tiêu tối đa lợi nhuận thì các doanh nghiệp trên bốn loại thị trường (cạnh tranh hoàn hảo; độc quyền hoàn toàn; cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm) đưa ra quyết định sản xuất như thế nào? (iv) Hành vi của các doanh nghiệp trên thị trường các yếu tố sản xuất (lao động, đất đai, tư bản) như thế nào? Những kiến thức của học phần này là cơ sở để sinh viên tiếp tục học các môn học chuyên ngành.

3.1 Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: Hiểu được các khái niệm, thuật ngữ và lý thuyết cơ bản trong kinh tế học vi mô.	1.1. Hiểu được lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng.
	1.2. Hiểu được lý thuyết về chi phí sản xuất của các doanh nghiệp trong ngắn và dài hạn.
	1.3. Trình bày được những đặc điểm của các dạng cấu trúc thị trường (cạnh tranh hoàn hảo, cạnh tranh độc quyền, độc quyền và độc quyền nhóm).
	1.4. Hiểu được cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trên những cấu trúc thị trường khác nhau.
	1.5. Hiểu được hành vi của các doanh nghiệp trên các thị trường yếu tố sản xuất (ví dụ thị trường lao động).
CO2: Phát triển được kỹ năng sử dụng các công cụ toán học để phân tích và giải thích một số tình huống thực tế trên cơ sở các lý thuyết của kinh tế học vi mô.	2.1. Sử dụng được một số công cụ toán học cơ bản như đồ thị, hàm số để mô tả và giải thích về hành vi, các quyết định của người tiêu dùng và doanh nghiệp.
	2.2. Ứng dụng những lý thuyết của kinh tế học vi mô trong việc ra quyết định của bản thân trong công việc và đời sống thường nhật.
	2.3. Phát triển được khả năng tự học của bản thân.
CO3: Ham thích tìm hiểu các vấn đề về kinh tế học vi mô và các vấn đề kinh tế liên quan.	3.1. Sẵn sàng tìm hiểu thêm về các vấn đề mới, vấn đề thực tiễn gắn liền với nội dung môn học.
	3.2. Có thái độ chuyên cần, trung thực và chủ động trong học tập.

3.2 Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT				
		1.1.1.	1.1.2.	1.2.1.	1.3.1.	2.2.2.
1.	Hiểu được các khái niệm, thuật ngữ và lý thuyết cơ bản trong kinh tế học vi mô.					
1.1.	Hiểu được lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng.		K2			

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT				
		1.1.1.	1.1.2.	1.2.1.	1.3.1.	2.2.2.
1.2.	Hiểu được lý thuyết về chi phí sản xuất của các doanh nghiệp trong ngắn và dài hạn.	K1			K1	
1.3.	Trình bày được những đặc điểm của các dạng cấu trúc thị trường (cạnh tranh hoàn hảo, cạnh tranh độc quyền, độc quyền và độc quyền nhóm).	K1			K1	
1.4.	Hiểu được cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trên những cấu trúc thị trường khác nhau.	K2	K1		K2	
1.5.	Hiểu được hành vi của các doanh nghiệp trên các thị trường yếu tố sản xuất (ví dụ thị trường lao động).	K1			K1	
2.	Phát triển được kỹ năng sử dụng các công cụ toán học để phân tích và giải thích một số tình huống thực tế trên cơ sở các lý thuyết của kinh tế học vi mô.					
2.1.	Sử dụng được một số công cụ toán học cơ bản như đồ thị, hàm số để mô tả và giải thích về hành vi, các quyết định của người tiêu dùng và doanh nghiệp.			S2		
2.2.	Ứng dụng những lý thuyết của kinh tế học vi mô trong việc ra quyết định của bản thân trong công việc và đời sống thường nhật.	S1	S1			
2.3.	Phát triển được khả năng tự học của bản thân.			S1		S2
3.	Ham thích tìm hiểu các vấn đề về kinh tế học vi mô và các vấn đề kinh tế liên quan.					
3.1.	Sẵn sàng tìm hiểu thêm về các vấn đề mới, vấn đề thực tiễn gắn liền với nội dung môn học.					A1
3.2.	Có thái độ chuyên cần, trung thực và chủ động trong học tập.					A1

K: Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá

A: Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hồi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách

S: Kỹ năng 1 - Bất chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Tuần	Nội dung	Số giờ	Số giờ	CĐR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
		LT	BT/TL				
1	<p><i>Chương 1: Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng</i></p> <p>1.1 Sự lựa chọn của người tiêu dùng</p>	5	1	1.1_2 2.1_2 2.2_1 2.3_1 3.1_1 3.2_1	<p><u>GV</u>: Giới thiệu học phần (đề cương chi tiết, tài liệu học tập, đánh giá người học, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ).</p> <p>Phổ biến nội quy lớp học.</p> <p>Thuyết giảng các nội dung về đường ngân sách; lý thuyết về sở thích với khái niệm độ thỏa dụng, độ thỏa dụng biên, đường bàng quan và các tính chất; nguyên tắc lựa chọn giỏ hàng tối ưu.</p> <p>Giao bài tập cho sinh viên về đường ngân sách, đường bàng quan và xác định giỏ hàng tối ưu.</p> <p>Chữa các bài tập đã giao.</p> <p><u>SV</u>: Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p> <p>Làm bài tập và trắc nghiệm của chương 1.</p>	Kiểm tra mức độ hiểu bài và tự học của sinh viên thông qua việc lên bảng làm bài tập và trắc nghiệm chương 1.	[1] Chương 4 [2] Chương 3 và 4 [3] Chương 8 [4] Chương 6
2	<p>1.2 Các yếu tố tác động đến sự lựa chọn</p> <p>1.3 Một số ứng dụng</p>	4	2	1.1_3 2.1_2	<p><u>GV</u>: Tiếp tục thuyết giảng các nội dung lý thuyết trong chương 1: Các yếu tố tác động đến sự lựa chọn (khi thu nhập của người tiêu dùng và giá hàng</p>	Thảo luận trên lớp về các ứng dụng của lý	[1] Chương 4

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CĐR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
				2.2_1 2.3_2 3.1_1 3.2_1	<p>hóa thay đổi), thiết lập đường cầu; Áp dụng lý thuyết để phân tích một số ứng dụng.</p> <p>Giao bài tập cho sinh viên về sự thay đổi của giỏ hàng tối ưu.</p> <p>Chữa các bài tập đã giao.</p> <p><u>SV</u>: Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p> <p>Tích cực thảo luận về các ứng dụng thực tế của lý thuyết.</p> <p>Hoàn thành các bài tập và trắc nghiệm được giao.</p>	<p>thuyết hành vi người tiêu dùng.</p> <p>Mini test bằng hình thức trắc nghiệm (thời gian 20 phút với 10 câu hỏi trắc nghiệm về đường ngân sách, đường bàng quan, giỏ hàng tối ưu).</p>	<p>[2] Chương 3 và 4</p> <p>[3] Chương 8</p> <p>[4] Chương 6</p>
3	<p>Chương 2: Chi phí sản xuất</p> <p>2.1 Sản xuất và chi phí</p> <p>2.2 Chi phí trong ngắn hạn</p> <p>2.3 Chi phí trong dài hạn</p>	4	2	1.2_2 2.1_2 2.3_2 3.2_2	<p><u>GV</u>: Thuyết giảng các nội dung lý thuyết về sản xuất, hàm sản xuất, quy luật sản phẩm biên giảm dần, các khái niệm về chi phí trong ngắn và dài hạn.</p> <p>Giao bài tập cho SV về sản phẩm trung bình và sản phẩm biên; chi phí trong ngắn và dài hạn; xác định hàm sản xuất có tính kinh tế, phi kinh tế hay kinh tế không đổi theo quy mô.</p>	<p>Kiểm tra mức độ hiểu bài và tự học của sinh viên thông qua việc lên bảng làm bài tập và trắc nghiệm chương 2.</p>	<p>[1] Chương 6</p> <p>[2] Chương 6 và 7</p> <p>[3] Chương 10</p> <p>[4] Chương 8</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CĐR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					<p>Chữa các bài tập đã giao.</p> <p><u>SV</u>: Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p> <p>Hoàn thành các bài tập và trắc nghiệm được giao.</p>		
4	<p>Chương 3: Thị trường cạnh tranh hoàn hảo</p> <p>3.1 Đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo</p> <p>3.2 Quyết định sản xuất của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn.</p> <p>3.3 Quyết định sản xuất của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo trong dài hạn.</p>	4	2	1.3_1 1.4_2 1.5_1 2.1_2 2.2_1 2.3_2 3.1_2 3.2_2	<p><u>GV</u>: Thuyết giảng các nội dung về đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo; hành vi của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn và dài hạn; xây dựng đường cung trong ngắn hạn và dài hạn của hãng cạnh tranh hoàn hảo.</p> <p>Giao bài tập cho SV về xác định mức sản lượng tối đa lợi nhuận; xác định điểm hòa vốn, điểm đóng cửa; Xác định khoảng giá hãng gia nhập và rời bỏ thị trường trong dài hạn; sản lượng cân bằng dài hạn; viết phương trình đường cung ngắn và dài hạn của hãng cạnh tranh hoàn hảo.</p> <p>Chữa các bài tập đã giao</p> <p><u>SV</u>: Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p>	<p>Mini test bằng hình thức trắc nghiệm (thời gian 20 phút với 10 câu hỏi trắc nghiệm về điểm hòa vốn, điểm đóng cửa, trạng thái cân bằng dài hạn).</p> <p>Lên bảng làm các bài tập và trắc nghiệm chương 3.</p>	<p>[1] Chương 7</p> <p>[2] Chương 8</p> <p>[3] Chương 11</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					Hoàn thành các bài tập và trắc nghiệm của chương 3 đã được giao.		
5	Chương 4: Thị trường độc quyền 4.1 Đặc điểm và nguồn gốc của thị trường độc quyền 4.2 Quyết định sản xuất của doanh nghiệp độc quyền	3	3	1.3_1 1.4_2 2.1_2 2.3_2 3.1_2 3.2_2	<u>GV</u> : tiếp tục chữa các bài tập và trắc nghiệm của chương 3. Thuyết giảng các nội dung lý thuyết của chương 4 về đặc điểm và nguồn gốc hình thành thị trường độc quyền, mức sản lượng và giá bán tối đa lợi nhuận của hãng độc quyền. <u>SV</u> : Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp. Hoàn thành các bài tập và trắc nghiệm của chương 4 đã được giao.	Kiểm tra mức độ hiểu bài và tự học của sinh viên thông qua việc lên bảng làm bài tập và trắc nghiệm chương 4.	[1] Chương 8 [2] Chương 10 và 11 [3] Chương 12
6	4.3 Chi phí xã hội của độc quyền 4.4 Kiểm soát độc quyền	4	2	1.4_2 2.1_2 2.3_2	<u>GV</u> : Tiếp tục thuyết giảng các nội dung lý thuyết trong chương 4 về khoản mất không do độc quyền;	Thảo luận trên lớp về các ví dụ	[1] Chương 8 [2] Chương 10 và 11

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CĐR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
				3.1_2 3.2_2	<p>các chính sách công đối với độc quyền; hành vi phân biệt giá.</p> <p>Tiếp tục giao các bài tập và trắc nghiệm chương 4 về: xác định khoản mất không, sức mạnh thị trường; thặng dư sản xuất và tiêu dùng; Xác định sản lượng và lợi nhuận khi hãng độc quyền thực hiện phân biệt giá hoàn hảo.</p> <p>Tiếp tục chữa các bài tập đã giao.</p> <p>Hệ thống nhanh các nội dung đã học từ chương 1 đến chương 4 và hướng dẫn SV ôn tập chuẩn bị làm bài kiểm tra quá trình.</p> <p><u>SV</u>: Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p> <p>Thảo luận các ví dụ thực tế về phân biệt giá.</p> <p>Hoàn thành các bài tập và trắc nghiệm của chương 4 đã được giao.</p>	<p>thực tế của hành vi phân biệt giá.</p> <p>Tiếp tục lên bảng làm bài tập và trắc nghiệm chương 4.</p>	[3] Chương 12
7	<i>Làm bài kiểm tra quá trình</i>	4	2	1.3_2 1.4_2	<u>GV</u> : Tổ chức cho sinh viên làm bài kiểm tra quá trình ở trên lớp.	Làm bài kiểm tra quá trình thời gian 50	[1] Chương 9 [2] Chương 12

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<i>Chương 5: Cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm</i> 5.1 Cạnh tranh độc quyền			2.1_2 2.3_2 3.1_2 3.2_2	Thuyết giảng nội dung lý thuyết về thị trường cạnh tranh độc quyền của chương 5. Giao bài trắc nghiệm của phần cạnh tranh độc quyền cho SV. Chữa các bài trắc nghiệm đã giao. <u>SV</u> : Tham gia làm bài kiểm tra quá trình. Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp. Hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm về phần cạnh tranh độc quyền của chương 5.	phút bao gồm: (1) trắc nghiệm với 10 câu hỏi và (2) một bài tập tự luận (tổng hợp các kiến thức từ chương 1 đến chương 4).	[3] Chương 13
8	5.2 Độc quyền nhóm	4	2	1.3_2 1.4_2 2.1_2 2.3_2 3.1_2 3.2_2	<u>GV</u> : Tiếp tục thuyết giảng phần nội dung thứ hai của chương 5 là độc quyền nhóm: Đặc điểm của thị trường độc quyền nhóm; các mô hình Cournot; Stackelberg và mô hình cạnh tranh giá cả. Giao bài tập và trắc nghiệm cho SV về sản lượng và giá bán trên thị trường theo cân bằng Cournot. Sản lượng và lợi nhuận của mỗi hãng theo mô hình Stackelberg hoặc theo mô hình cạnh tranh giá cả.	Kiểm tra mức độ hiểu bài và tự học của sinh viên thông qua việc lên bảng làm bài tập và trắc nghiệm của chương 5.	[1] Chương 10 [2] Chương 12 [3] Chương 13

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CĐR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					<p>Chữa các bài tập đã giao.</p> <p><u>SV</u>: Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p> <p>Hoàn thành bài tập và các câu hỏi trắc nghiệm về phần độc quyền nhóm của chương 5.</p>		
9	<p>Chương 6: Thị trường các nhân tố sản xuất.</p> <p>6.1 Cầu về lao động</p> <p>6.2 Cung về lao động</p> <p>6.3 Trạng thái cân bằng trên thị trường lao động</p> <p>6.4 Các nhân tố sản xuất khác: đất đai và tư bản</p>	4	2	<p>1.3_2</p> <p>1.5_2</p> <p>2.1_3</p> <p>2.2_2</p> <p>2.3_2</p> <p>3.1_2</p> <p>3.2_2</p>	<p><u>GV</u>: Thuyết giảng các nội dung lý thuyết trong chương 6: cầu và cung về lao động; trạng thái cân bằng trên thị trường lao động. Khái quát hóa mô hình cung cầu về lao động cho các thị trường nhân tố sản xuất khác là đất đai và lao động.</p> <p>Giao các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm của chương 6 về xác định trạng thái cân bằng trên thị trường lao động; xác định lượng lao động tối ưu của doanh nghiệp; xác định hàm cầu về lao động của doanh nghiệp cũng như hàm cầu về các nhân tố sản xuất khác là đất đai và tư bản.</p> <p>Chữa các bài tập đã giao.</p> <p>Hệ thống lại các kiến thức đã học và hướng dẫn SV về bài thi cuối kỳ.</p>	<p>Kiểm tra mức độ hiểu bài và tự học của sinh viên thông qua việc lên bảng làm bài tập và trắc nghiệm của chương 6.</p>	<p>[1] Chương 11</p> <p>[2] Chương 14</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CĐR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					Tổng kết và công bố điểm quá trình <u>SV</u> : Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp. Hoàn thành bài tập và các câu hỏi trắc nghiệm.		

CĐR học phần có cấu trúc: STT của CĐR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

Kiến thức	1 - Biết/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hồi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tính cách	
Kỹ năng	1 - Bắt chước	2 - Thao tác được	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phần triển khai kết hợp nhiều phương pháp dạy học sau:

Phương pháp tự học: Người học tự học thông qua việc đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trên hệ thống Elearning và trả lời các câu hỏi tự luận, trắc nghiệm sau mỗi chương. Điều này giúp người học có kỹ năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức và chủ động học hỏi.

Phương pháp Thuyết trình: Giảng viên trình bày kiến thức mới, cập nhật những thông tin không có trong sách, tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống.

Phương pháp Bài tập: Giảng viên giao bài tập cho người học chuẩn bị trước khi đến lớp hoặc sau giờ học. Trong giờ bài tập, giảng viên có thể tổ chức thảo luận, chữa bài tập.

Phương pháp Thảo luận: Giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

Các phương pháp dạy - học trên tạo điều kiện cho người học thành thạo các kỹ năng chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra của học phần, rèn luyện khả năng học tập suốt đời, đồng thời giúp cho giảng viên tổ chức hoạt động trên lớp hiệu quả hơn.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng 04 phương pháp đánh giá kết quả học tập:

- **Chuyên cần và thái độ học tập** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- **Bài tập** (công cụ đánh giá: đáp án, trong quá trình học);
- **Trắc nghiệm + Tự luận** (công cụ đánh giá: đáp án; đối với 01 bài kiểm tra quá trình, thời gian 50 phút và 01 bài thi cuối kỳ, thời gian 90 phút).

Điểm quá trình = Điểm kiểm tra quá trình * 90% + Điểm chuyên cần, thái độ học tập * 10% + Điểm cộng (nếu có)

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 40% + Điểm thi * 60%.

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học				Phương pháp đánh giá			
		Tự học	Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Chuyên cần và thái độ	Bài tập	Tự luận	Trắc nghiệm
1.	Hiểu được các khái niệm, thuật ngữ cơ bản trong kinh tế học vi mô.								
1.1.	Hiểu được lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng.	x	x	x	x	x	x	x	x
1.2.	Hiểu được lý thuyết về chi phí sản xuất của các doanh nghiệp trong ngắn và dài hạn.	x	x	x	x	x	x	x	x
1.3.	Trình bày được những đặc điểm của các dạng cấu trúc thị trường (cạnh tranh hoàn hảo, cạnh tranh độc quyền, độc quyền và độc quyền nhóm).	x	x		x	x	x	x	x
1.4.	Hiểu được cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trên những cấu trúc thị trường khác nhau.	x	x	x	x	x	x	x	x
1.5.	Hiểu được hành vi của các doanh nghiệp trên các thị trường yếu tố sản xuất (ví dụ thị trường lao động).	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Phát triển được kỹ năng sử dụng các công cụ toán học để phân tích và giải thích một số tình huống thực tế trên cơ sở các lý thuyết của kinh tế học vi mô.								
2.1.	Sử dụng được một số công cụ toán học cơ bản như đồ thị, hàm số để mô tả và giải thích về hành vi, các quyết định của người tiêu dùng và doanh nghiệp.	x	x	x		x	x	x	x
2.2.	Ứng dụng những lý thuyết của kinh tế học vi mô trong việc ra quyết định của bản thân trong công việc và đời sống thường nhật.	x	x		x	x		x	
2.3.	Phát triển được khả năng tự học của bản thân.	x		x	x	x	x	x	x

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học				Phương pháp đánh giá			
		Tự học	Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Chuyên cần và thái độ	Bài tập	Tự luận	Trắc nghiệm
3.	Ham thích tìm hiểu các vấn đề về kinh tế học vi mô và các vấn đề kinh tế liên quan.								
3.1.	Sẵn sàng tìm hiểu thêm về các vấn đề mới, vấn đề thực tiễn gắn liền với nội dung môn học.	x	x		x	x			
3.2.	Có thái độ chuyên cần, trung thực và chủ động trong học tập.	x		x	x	x	x	x	x

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

[1] Vũ Kim Dũng & Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình kinh tế học – tập 1*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

Tài liệu tham khảo:

[2] Robert S.Pindyck & Daniel L.Rubinfeld (2015), *Kinh tế học vi mô*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.Hồ Chí Minh.

[3] Michael Parkin (2017), *Microeconomics (13th edition)*, Pearson, University of Western Ontario.

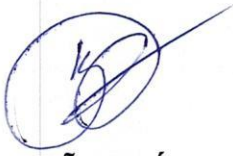
[4] David Begg, Stanley Fischer & Rudiger Dornbusch (2011), *Kinh tế học vi mô*, Nhà xuất bản Thống Kê.

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1.	Nguyễn Phương Mai	Thạc sỹ	Kinh tế học, Kinh tế phát triển
2.	Lê Thị Kim Chung	Tiến sỹ	Kinh tế học, Kinh tế quốc tế
3.	Vũ Đức Hiếu	Thạc sỹ	Kinh tế học, Kinh tế quốc tế

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Kinh tế học có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.
- Giảng viên có nhiệm vụ phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần.
- Giảng viên thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết học phần đã được duyệt.

TRƯỞNG KHOA**GS.TS. Nguyễn Khắc Minh****TRƯỞNG BỘ MÔN****TS. Trần Thị Thùy Linh****NGƯỜI BIÊN SOẠN****Ths. Vũ Đức Hiếu**

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)**Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ học tập**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học nhỏ hơn 10% so với quy định (6 giờ/ 54 giờ)	Vắng học từ 10% đến nhỏ hơn 20% so với quy định (từ 7 đến 11 giờ/ 54 giờ)	Vắng học từ 25% đến nhỏ hơn 30% so với quy định (từ 14 đến 17 giờ/ 54 giờ)	Vắng học quá 30% số giờ theo quy định (18 giờ/ 54 giờ)	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn > 6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận, phát biểu, ...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (> 75% N) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75% N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50% N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25% N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Làm trên 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 50% đến 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 25% đến 50% bài tập cá nhân.	Làm tối đa 25% bài tập cá nhân.	Không làm bài tập cá nhân.	15%

PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
I.	Phần I: Trắc nghiệm				
1.	Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng				
1.1	Đường ngân sách		1 câu 0,25 điểm 2,5%		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
1.2	Đường bàng quan		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
1.3	Giỏ hàng tối ưu	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %
2.	Chi phí sản xuất				
2.1	Sản phẩm trung bình và sản phẩm biên	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
			1 câu		1 câu
2.2	Chi phí trong ngắn hạn		0,25 điểm 2,5 %		0,25 điểm 2,5 %
2.3	Chi phí trong dài hạn		0,25 điểm 2,5 %		0,25 điểm 2,5 %
3.	<i>Thị trường cạnh tranh hoàn hảo</i>				
3.1	Đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %
3.2	Quyết định sản xuất của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
3.3	Quyết định sản xuất của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo trong dài hạn			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.	<i>Thị trường độc quyền</i>				

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
4.1	Đặc điểm và nguồn gốc của thị trường độc quyền	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.2	Quyết định sản xuất của doanh nghiệp độc quyền			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.3	Chi phí xã hội của độc quyền	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.4	Phân biệt giá		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
5.	<i>Cạnh tranh độc quyền</i>				
5.1	Đặc điểm của thị trường cạnh tranh độc quyền	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
			1 câu		1 câu
5.2	Trạng thái cân bằng dài hạn của hãng cạnh tranh độc quyền		0,25 điểm 2,5 %		0,25 điểm 2,5 %
6.	<i>Độc quyền nhóm</i>				
6.1	Đặc điểm của thị trường độc quyền nhóm	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %
6.2	Các mô hình cho thị trường độc quyền nhóm		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5%
7.	<i>Thị trường các nhân tố sản xuất</i>				
7.1	Câu về lao động		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
7.2	Cung về lao động			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
		1 câu			1 câu
7.3	Các nhân tố sản xuất đất đai và tư bản	0,25 điểm 2,5 %			0,25 điểm 2,5 %
II.	Tự luận				
1.	<i>Bài tập 1 về lý thuyết sự lựa chọn của người tiêu dùng.</i>				
1.1	Lập phương trình đường ngân sách	1 câu 0,5 điểm 5%			1 câu 0,5 điểm 5%
1.2	Xác định giỏ hàng tối ưu		1 câu 1 điểm 10%		1 câu 1 điểm 10%
1.3	Xác định giỏ hàng tối ưu mới khi có sự thay đổi của thu nhập hoặc giá hàng hóa.			1 câu 1 điểm 10%	1 câu 1 điểm 10%
2.	<i>Bài tập 2 về hành vi của các doanh nghiệp trên các thị trường cạnh tranh hoàn hảo hoặc thị trường độc quyền.</i>				

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
			1 câu		1 câu
2.1	Xác định sản lượng và lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp		1 điểm 10%		1 điểm 10%
2.2	Xác định điểm đóng cửa, điểm hòa vốn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo hoặc chi phí xã hội của doanh nghiệp độc quyền.		1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 0,5 điểm 5%
2.3	Xác định sản lượng và lợi nhuận của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo khi bị đánh thuế hoặc xác định sản lượng và lợi nhuận của hãng độc quyền khi thực hiện phân biệt giá hoàn hảo.			1 câu 1 điểm 10%	1 câu 1 điểm 10%
	Tổng số câu Tổng số điểm Tỷ lệ %	9 câu 2,5 điểm 25%	11 câu 4,5 điểm 45%	6 câu 3 điểm 30%	26 câu 10,0 điểm 100%



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	<i>Tiếng Việt:</i> Kinh tế vĩ mô <i>Tiếng Anh:</i> Macro Economics
1.2	Mã học phần	EC205
1.3	Thuộc khối kiến thức	Cơ sở khối ngành
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Kinh tế- quản lý
1.6	Số tín chỉ	3
1.7	Điều kiện tiên quyết	Tên học phần tiên quyết (mã HP)
1.8	Thời lượng giảng dạy trực tiếp	36 giờ lý thuyết + 18 giờ thực hành/ bài tập/ thảo luận
1.9	Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning	Không có
1.10	Ngày ban hành	21/4/2022

2. YÊU CẦU CỦA HỌC PHẦN

Về trang thiết bị: lớp học cần được trang bị máy tính, máy chiếu để thuyết giảng, thuyết trình; sinh viên cần in sẵn các tài liệu như slide, bài tập và tài liệu đọc.

Về nội quy: mỗi tuần có 6 giờ học trực tiếp trên lớp được chia thành 2 buổi học.

+ Trên trang đào tạo trực tuyến của trường (<https://elearning.thanglong.edu>) có các bài giảng của môn Kinh tế vĩ mô dưới dạng các video của từng chương học. Đây là một trong những nguồn tài liệu quan trọng, hữu ích để sinh viên có thể tự học, tự chuẩn bị bài trước giờ lên lớp trực tiếp. Do vậy khuyến khích sinh viên nghe video bài giảng của mỗi chương học trên trang học trực tuyến trước buổi học trực tiếp.

+ Sinh viên phải tham gia học ít nhất 70% trong tổng số giờ.

+ Sinh viên đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp học và được coi là nghỉ học buổi học đó.

+ Sinh viên cần làm đủ 1 bài kiểm tra của học phần.

+ Sinh viên bắt buộc phải tham gia làm các bài tập trên lớp.

+ Trong giờ học, sinh viên cần thực hiện nghiêm túc Nội quy lớp học.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Kinh tế học vĩ mô là học phần nghiên cứu nền kinh tế tổng thể trong đó tập trung vào các biến số như giá cả, sản lượng, thu nhập, lãi suất, tỷ giá, cán cân thanh toán, đầu tư, chi tiêu của Chính phủ và thuế... Mỗi quan hệ giữa các biến số này được giải thích thông qua các mô hình kinh tế vĩ mô như mô hình giao điểm Keynes, mô hình tổng cung-tổng cầu (AS-AD), mô hình IS-LM trong nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nắm được các vấn đề về biến động kinh tế trong ngắn hạn, chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung- phía cầu và vai trò của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đối với việc bình ổn kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

3.1 Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: Vận dụng một cách thành thạo các kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô đã học.	1.1. Hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như: tiền tệ, mức giá chung, tổng sản lượng, tỷ giá hối đoái, lãi suất, đầu tư, chi tiêu, tiết kiệm
	1.2. Hiểu được các nội dung cơ bản của các mô hình kinh tế vĩ mô gồm mô hình thị trường tiền tệ, mô hình thị trường ngoại hối, mô hình giao điểm Keynes, mô hình tổng cung-tổng cầu, mô hình tổng cầu của nền kinh tế đóng và mở.
	1.3. Phân biệt được các mô hình kinh tế vĩ mô để mô tả các biến động kinh tế trong ngắn hạn gồm mô hình tổng cung-tổng cầu, mô hình tổng cầu trong nền kinh tế đóng và mở.
	1.4. Hiểu được nội dung, vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ gồm chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ
CO2: Vận dụng một cách chủ động, linh hoạt các kiến thức của kinh tế vĩ mô với thông tin kinh tế	2.1. Giải thích được ý nghĩa của các biến số vĩ mô thông qua các chỉ số kinh tế vĩ mô thực của nền kinh tế
	2.2. Phân tích được các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế ảnh hưởng đến các biến số vĩ mô như mức giá chung, sản lượng, việc làm, lãi suất của nền kinh tế dựa trên các mô hình đã học
	2.3. Giải thích được cách thức tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản gồm chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ mà chính phủ áp dụng với các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế.
	2.4. Phân tích được tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản gồm chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ đối với các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế.
CO3: Rèn luyện tính chủ động, trung thực trong học tập, quản lý hiệu quả thời gian, có trách nhiệm với các	3.1. Hoàn thành một cách nghiêm túc các nhiệm vụ học tập được giao
	3.2. Thể hiện tư duy linh hoạt khi áp dụng các kiến thức kinh tế vĩ mô để giải quyết các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế. .

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
nhiệm vụ học tập được giao.	

3.2 Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT			
		1.1.2.	1.3.1.	2.2.2.	2.2.3.
1.	Vận dụng một cách thành thạo các kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô đã học				
1.1.	Hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như: mức giá chung, tổng sản lượng, tỷ giá hối đoái, lãi suất, đầu tư, chi tiêu, tiết kiệm	K2			
1.2.	Hiểu được các nội dung cơ bản của các mô hình kinh tế vĩ mô gồm mô hình thị trường tiền tệ, mô hình thị trường ngoại hối, mô hình giao điểm Keynes, mô hình tổng cung-tổng cầu, mô hình tổng cầu của nền kinh tế đóng và mở	K2			
1.3.	Phân biệt được các mô hình kinh tế vĩ mô để mô tả các biến động kinh tế trong ngắn hạn gồm mô hình tổng cung-tổng cầu, mô hình tổng cầu trong nền kinh tế đóng và mở	K2			
1.4.	Hiểu được nội dung, vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ gồm chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ	K2			
2.	Vận dụng một cách chủ động, linh hoạt các kiến thức của kinh tế vĩ mô với thông tin kinh tế				
2.1.	Giải thích được ý nghĩa của các biến số vĩ mô thông qua các chỉ số kinh tế vĩ mô thực của nền kinh tế.	K2	S2		
2.2.	Phân tích được các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế ảnh hưởng đến các biến số vĩ mô như mức giá chung, sản lượng, việc làm, lãi suất của nền kinh tế dựa trên các mô hình đã học.	K1	S1		
2.3.	Giải thích được cách thức tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản gồm chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ mà chính phủ áp dụng với các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế.	K1	S2		
2.4.	Phân tích được tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản gồm chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ đối với các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế.	K1	S1		
3.	Rèn luyện tính chủ động, trung thực trong học tập, quản lý hiệu quả thời gian, có trách nhiệm với các nhiệm vụ học tập được giao.				
3.1.	Hoàn thành một cách nghiêm túc các nhiệm vụ học tập được				S2

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT			
		1.1.2.	1.3.1.	2.2.2.	2.2.3.
	giao.				
3.2.	Thể hiện tư duy linh hoạt khi áp dụng các kiến thức kinh tế vĩ mô để giải quyết các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế.			S2	

Kiến thức	1 - Biết/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hồi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tính cách	
Kỹ năng	1 - Bắt chước	2 - Thao tác được	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/TL	CĐR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
1	<p>Chương 1: Tiền tệ và thị trường tiền tệ</p> <p>1.1. Khái niệm và chức năng của tiền tệ</p> <p>1.2. Quá trình tạo tiền của hệ thống ngân hàng thương mại</p> <p>1.3. Các biện pháp kiểm soát cung ứng tiền tệ của ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ</p>	4	2	<p>1.1_2</p> <p>1.2_1</p> <p>2.1_1</p> <p>3.1_1</p>	<p><u>GV</u>: Giới thiệu học phần (đề cương chi tiết, tài liệu học tập, đánh giá người học, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ).</p> <p>Phổ biến nội quy lớp học.</p> <p>Thuyết giảng các nội dung chính về lý thuyết trong chương 1: mục 1.1; 1.2; 1.3</p> <p>Giao bài tập cho SV về Các bài tập về cung tiền (MS), cơ sở tiền (MB), số nhân tiền (m_M), khi ngân hàng trung ương thực hiện các công cụ kiểm soát cung tiền thì MS, MB, m_M thay đổi như thế nào.</p> <p><u>SV</u>: Đọc trước nội dung của chương 1 trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp. Hoàn thành các phần bài tập được giao của</p>		<p>[3] bài 8</p> <p>[4] chương 1</p>

					chương 1		
					<p><u>GV</u>: Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập đã đưa ra của chương 1.</p> <p>Tiếp tục thuyết giảng các nội dung chính về lý thuyết trong chương 1: mục 1.4; 1.5</p> <p>Đưa ra các câu hỏi tình huống sử dụng đồ thị của thị trường tiền tệ phân tích các tình huống có thể xảy ra ảnh hưởng đến trạng thái cân bằng của thị trường tiền tệ.</p> <p>Thuyết giảng các nội dung chính về lý thuyết trong chương 2: mục 2.1, 2.2</p> <p><u>SV</u>:</p> <p>Hoàn thành các phần bài tập của chương 1 mà GV đã đưa ra</p> <p>Đọc trước nội dung của chương 2 trước khi tham</p>		
2	<p>Chương 1 (tiếp)</p> <p>1.4. Lý thuyết ưa thích thanh khoản và cầu tiền</p> <p>1.5. Cân bằng thị trường tiền tệ</p> <p>Chương 2: Tỷ giá hối đoái và cân cân thanh toán</p> <p>2.1. Tỷ giá hối đoái</p> <p>2.2. Thị trường ngoại hối</p>	4	2	<p>1.1_2</p> <p>1.2_1</p> <p>2.1_1</p> <p>2.2_1</p> <p>3.1_1</p>	<p>Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc, phần bài tập mà GV đưa ra.</p>	<p>[3] bài 10, 11</p> <p>[4] chương 2</p>	

					gia học trực tiếp trên lớp.		
3	<p>Chương 2 (tiếp)</p> <p>2.3. Các cơ chế tỷ giá</p> <p>2.4. Cán cân thanh toán</p> <p>Chương 3: Số nhân chi tiêu và lý thuyết của Keynes</p> <p>3.1. Tổng chi tiêu dự kiến</p>	4	2	<p>1.1_2</p> <p>1.2_1</p> <p>2.1_1</p> <p>2.2_1</p> <p>2.3_1</p> <p>3.1_1</p>	<p><u>GV</u>: Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập đã đưa ra của chương 2.</p> <p>Tiếp tục thuyết giảng các nội dung chính về lý thuyết trong chương 2: mục 1.4; 1.5</p> <p>Thuyết giảng nội dung chính về lý thuyết trong chương 3: mục 3.1.</p> <p>Giao phần bài tập liên quan đến chi tiêu dự kiến của hộ gia đình (C), chi tiêu dự kiến của doanh nghiệp (I), chi tiêu dự kiến của chính phủ (G)</p> <p><u>SV</u>:</p> <p>Hoàn thành các phần bài tập của chương 2 mà GV</p>	<p>Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc phần bài tập mà GV đưa ra.</p>	<p>[3] bài 10, 11</p> <p>[4] chương 2</p>

					<p>đã đưa ra</p> <p>Đọc trước nội dung của chương 3 trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp</p>		
4	<p>Chương 3 (tiếp)</p> <p>3.2. Mô hình giao điểm Keynes và trạng thái cân bằng</p>	4	2	<p>1.1_2</p> <p>1.2_1</p> <p>1.4_1</p> <p>2.1_1</p> <p>2.2_1</p> <p>2.3_1</p> <p>3.1_1</p>	<p><u>GV</u>: Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập đã đưa ra của chương 2.</p> <p>Tiếp tục thuyết giảng nội dung chính về lý thuyết trong chương 3: mục 3.2</p> <p>Giao bài tập xây dựng hàm tiêu dùng dự kiến (C), hàm tổng chi tiêu dự kiến (AE), xác định các trạng thái của mô hình giao điểm Keynes, các bài tập sử dụng số nhân chi tiêu (m) và số nhân thuế (m_T) để mô tả tác động của các biến chi tiêu và thuế đến tổng sản lượng như thế nào? Các tình huống về việc sử dụng mô hình giao điểm Keynes để phân tích ảnh hưởng của chính sách tài khóa.</p>	<p>Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc phần bài tập mà GV đưa ra.</p>	<p>[3] bài 10, 11</p> <p>[4] chương 3</p>

					<p><u>SV:</u></p> <p>Hoàn thành các phần bài tập của chương 3 mà GV đã đưa ra.</p>		
5	<p>Chương 4: Tổng cung và tổng cầu</p> <p>4.1. Đặc điểm của các biến động kinh tế</p> <p>4.2. Mô hình giải thích các biến động kinh tế</p> <p>4.3. Tổng cung</p>	4	2	<p><u>GV:</u> Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập đã đưa ra của chương 3.</p> <p>Thuyết giảng nội dung chính về lý thuyết trong chương 4: mục 4.1, 4.2, 4.3.</p> <p>Đưa ra các tình huống thực tế ảnh hưởng đến tổng cung để sinh viên phân tích dựa vào lý thuyết tổng cung đã học.</p> <p>1.1_2</p> <p>1.2_2</p> <p>2.1_2</p> <p>2.2_1</p> <p>3.1_1</p> <p><u>SV:</u></p> <p>Hoàn thành nội dung chương 3</p> <p>Đọc trước nội dung của chương 4 trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p> <p>Cùng thảo luận và hoàn thành về các tình huống tình huống thực tế ảnh</p>	<p>Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc phần bài tập mà GV đưa ra.</p>	<p>[2] chương 8</p> <p>[3] bài 12</p> <p>[4] chương 4</p>	

					hướng đến tổng cung dựa vào lý thuyết tổng cung đã học mà GV đã đưa ra trong bài học tuần 5		
6	<p>Chương 4: Tổng cung và tổng cầu (tiếp)</p> <p>4.4. Tổng cầu</p> <p>4.5. Cân bằng tổng cung và tổng cầu</p>	4	2	<p><u>GV:</u></p> <p>Tiếp tục thuyết giảng nội dung chính về lý thuyết trong chương 4: mục 4.4, 4.5</p> <p>1.1_2 1.2_2 1.3_1 1.4_1 2.1_2 2.2_1 2.3_2 2.4_1 3.1_1</p> <p>Đưa ra các tình huống thực tế ảnh hưởng đến tổng cầu để sinh viên phân tích dựa vào lý thuyết tổng cung đã học.</p> <p>Giao bài tập cho sinh viên Sử dụng mô hình tổng cung- tổng cầu để mô tả các biến động kinh tế xảy ra ở trong ngắn hạn sẽ tác động đến các biến số như thu nhập, sản lượng, việc làm của nền kinh tế như thế nào</p>	<p>Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc phần bài tập mà GV đưa ra.</p>	<p>[2] chương 8</p> <p>[3] bài 12</p> <p>[4] chương 4</p>	

					<p><u>SV:</u></p> <p>Đọc trước nội dung còn lại của chương 4 trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p> <p>Cùng thảo luận và hoàn thành về các tình huống tình huống thực tế ảnh hưởng đến tổng cầu</p>		
7	<p><i>Chương 5: Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế đóng</i></p> <p>5.1. Mô hình IS-LM trong nền kinh tế đóng</p> <p>5.2 Chính sách tài khóa trong nền kinh tế đóng</p>	4	2	<p><u>GV:</u> Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, tình huống đã đưa ra của chương 4</p> <p>Thuyết giảng nội dung chính về lý thuyết trong chương 5: mục 5.1, 5.2</p> <p>1.1_2</p> <p>1.2_2</p> <p>2.1_2</p> <p>2.2_2</p> <p>3.1_1</p> <p><u>SV:</u></p> <p>Hoàn thành nội dung của chương 4</p> <p>Đọc trước nội dung của</p>	<p>Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc phần bài tập mà GV đưa ra</p>	<p>[2] chương 9</p> <p>[3] bài 14</p> <p>[4] chương 5</p>	

					<p>chương 5 trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p> <p>Cùng thảo luận, hoàn thành về các tình huống GV đã đưa ra trong bài học tuần 7</p> <p>Tham gia làm bài kiểm tra quá trình giữa kỳ.</p>		
8	<p>Chương 5: tiếp</p> <p>5.3 Chính sách tiền tệ trong nền kinh tế đóng</p> <p>5.4 Kết hợp chính sách trong nền kinh tế đóng</p>	4	2	<p><u>GV:</u> Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, tình huống đã đưa ra của chương 4</p> <p>1.1_2 Tiếp tục thuyết giảng nội dung chính về lý thuyết</p> <p>1.2_2 trong chương 5: mục 5.3,</p> <p>1.3_1 5.4</p> <p>1.4_2 Đưa ra các tình huống thực tế về tác động của chính sách tiền tệ đến nền kinh tế</p> <p>2.1_2 thông qua mô hình IS-LM;</p> <p>2.2_1 kết hợp chính sách tài khóa-tiền tệ trong mô hình IS-LM</p> <p>2.3_2</p> <p>2.4_1</p> <p>3.1_1</p> <p><u>SV:</u></p> <p>Đọc trước nội dung còn lại của chương 5 trước khi tham gia học trực tiếp trên</p>	<p>Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc phần bài tập mà GV đưa ra</p>	<p>[2] chương 9</p> <p>[3] bài 14</p> <p>[4] chương 5</p>	

					<p>lớp.</p> <p>Hoàn thành về các tình huống tình huống thực tế của chương 5 mà GV đã đưa ra trong bài học tuần 7</p> <p>Cùng thảo luận, hoàn thành về tình huống tình trong bài học tuần 8.</p>		
9	<p>Chương 6: Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế mở</p> <p>6.1. Mô hình Mundell – Flemming</p> <p>6.2. Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế nhỏ, mở cửa, tỷ giá thả nổi.</p> <p>6.3. Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế nhỏ, mở cửa, tỷ giá cố định</p>	4	2	<p><u>GV</u>: Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, tình huống đã đưa ra của chương 5</p> <p>1.1_2 Thuyết giảng nội dung chính về lý thuyết trong chương 6.</p> <p>1.2_2</p> <p>1.3_1 Đưa ra các tình huống thực tế ảnh hưởng đến các biến số kinh tế vĩ mô bằng mô hình Mundell-Fleming; tác động của chính sách tài khóa, tiền tệ đến nền kinh tế thông qua mô hình mô hình Mundell-Fleming.</p> <p>1.4_2</p> <p>2.1_2</p> <p>2.2_1</p> <p>2.3_2</p> <p>2.4_1</p> <p>3.1_1</p> <p>Hệ thống lại các kiến thức đã học và hướng dẫn SV về bài thi cuối kỳ</p>	<p>Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc phần bài tập mà GV đưa ra</p>	<p>[2] chương 9</p> <p>[3] bài 14</p> <p>[4] chương 6</p>	

					<p>Tổng kết và công bố điểm quá trình</p> <p><u>SV:</u></p> <p>Hoàn thành các nội dung của chương 5.</p> <p>Đọc trước nội dung còn lại của chương 6 trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p>		
--	--	--	--	--	--	--	--

CĐR học phần có cấu trúc: STT của CĐR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

Kiến thức	1 - Biết/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hồi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tính cách	
Kỹ năng	1 - Bắt chước	2 - Thao tác đượ	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phần triển khai kết hợp nhiều phương pháp dạy học sau:

Phương pháp tự học: Người học tự học thông qua việc đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trên hệ thống Elearning và trả lời các câu hỏi tự luận, trắc nghiệm sau mỗi chương. Điều này giúp người học có kỹ năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức và chủ động học hỏi.

Phương pháp Thuyết trình: Giảng viên trình bày kiến thức mới, cập nhật những thông tin không có trong sách, tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống.

Phương pháp Bài tập: Giảng viên giao bài tập cho người học chuẩn bị trước khi đến lớp hoặc sau giờ học. Trong giờ bài tập, giảng viên có thể tổ chức thảo luận, chữa bài tập.

Phương pháp Thảo luận: Giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

Các phương pháp dạy - học trên tạo điều kiện cho người học thành thạo các kỹ năng chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra của học phần, rèn luyện khả năng học tập suốt đời, đồng thời giúp cho giảng viên tổ chức hoạt động trên lớp hiệu quả hơn.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng 03 phương pháp đánh giá kết quả học tập:

- **Chuyên cần và thái độ học tập** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- **Bài tập** (công cụ đánh giá: đáp án, trong quá trình học);
- **Trắc nghiệm +Tự luận** (công cụ đánh giá: đáp án; đối với 01 bài kiểm tra quá trình, thời gian 50 phút và 01 bài thi cuối kỳ, thời gian 90 phút).

Điểm quá trình = Điểm kiểm tra quá trình * 60% + Điểm chuyên cần, thái độ học tập * 40% +Điểm cộng (nếu có)

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 40% + Điểm thi * 60%.

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học				Phương pháp đánh giá			
		Phương pháp tự học	Phương pháp Thuyết trình	Phương pháp Bài tập	Phương pháp Thảo luận	Chuyên cần và thái độ học tập	Bài tập	Trắc nghiệm	Tự luận
	giản trong thực tế.								
2.4.	Phân tích được tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản gồm chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ đối với các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế	X	X	X	X	X	X		X
3.	Rèn luyện tính chủ động, trung thực trong học tập, quản lý hiệu quả thời gian, có trách nhiệm với các nhiệm vụ học tập được giao								
3.1.	Hoàn thành một cách nghiêm túc các nhiệm vụ học tập được giao.	X	X	X		X	X	X	X
3.2.	Thể hiện tư duy linh hoạt khi áp dụng các kiến thức kinh tế vĩ mô để giải quyết các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế.	X			X	X		X	X

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

[1] N.Gregory Mankiw (1999), “*Kinh tế vĩ mô*”, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội

Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Văn Công (2008), “*Giáo trình nguyên lý kinh tế vĩ mô*”, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội

[3] Nguyễn Văn Ngọc (2011), “*Bài giảng Nguyên lý kinh tế vĩ mô*”, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân

[4] Tập thể giảng viên Bộ môn Kinh tế học, “*Tập bài giảng Kinh tế vĩ mô*”, Khoa Kinh tế-Quản lý biên soạn (lưu hành nội bộ)

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1.	Trần Thị Thùy Linh	Tiến sỹ	Kinh tế học, Kinh tế quốc tế
2.	Nguyễn Phương Mai	Thạc sỹ	Kinh tế học, Kinh tế phát triển
3.	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thạc sỹ	Kinh tế học, Kinh tế quốc tế
4.	Lê Việt Đức	Tiến sỹ	Kinh tế học, Kinh tế phát triển

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Kinh tế học có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

- Giảng viên có nhiệm vụ phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần.

- Giảng viên thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết học phần đã được duyệt.

TRƯỞNG KHOA

GS.TS. Nguyễn Khắc Minh**TRƯỞNG BỘ MÔN**

TS. Trần Thị Thùy Linh**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thảo

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)**Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ học tập**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học hơn 10% so với quy định (5 tiết/ 50 tiết)	Vắng học từ 10% đến hơn 20% so với quy định (10 tiết/ 50 tiết)	Vắng học từ 25% đến hơn 30% so với quy định (12 tiết/ 50 tiết)	Vắng học quá 30% số giờ theo quy định (15 tiết/ 50 tiết)	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo, ...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (> 75% N) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75% N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50% N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25% N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Làm trên 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 50% đến 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 25% đến 50% bài tập cá nhân.	Làm tối đa 25% bài tập cá nhân.	Không làm bài tập cá nhân.	15%

PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
I.	Phần I: Trắc nghiệm				20 câu 5 điểm 50%
1.	<i>Tiền tệ và thị trường tiền tệ</i>				
1.1	Khái niệm và chức năng của tiền tệ				1 câu 0,25 điểm 2,5 %
1.2	Quá trình tạo tiền của hệ thống ngân hàng thương mại		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
1.3	Các biện pháp kiểm soát cung ứng tiền tệ của ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ		1 câu 0,25 điểm 2,5%		
1.4	Lý thuyết ưa thích thanh khoản và cầu tiền				
1.5	Cân bằng thị trường tiền tệ			1 câu	1 câu

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
				0,25 điểm 2,5 %	0,25 điểm 2,5 %
2.	<i>Tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán</i>				
2.1	Tỷ giá hối đoái		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
2.2	Thị trường ngoại hối		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
2.3	Các cơ chế tỷ giá	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5
2.4	Cán cân thanh toán				
3.	<i>Số nhân chi tiêu và lý thuyết của Keynes</i>				
3.1	Tổng chi tiêu dự kiến	1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %		2 câu 0,5 điểm 5 %

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
3.2	Mô hình giao điểm Keynes và trạng thái cân bằng		1 câu	1 câu	2 câu
			0,25 điểm	0,25 điểm	0,5 điểm
			2,5 %	2,5 %	5 %
4.	Tổng cung và tổng cầu				
4.1	Đặc điểm của các biến động kinh tế	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.2	Mô hình giải thích các biến động kinh tế				1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.3	Tổng cung		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.4.	Tổng cầu		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.5.	Cân bằng tổng cung và tổng cầu			1 câu 0,25 điểm	2 câu 0,5 điểm

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
				2,5 %	5 %
5.	<i>Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế đóng</i>				
5.1	Mô hình IS-LM trong nền kinh tế đóng		2 câu 0,25 điểm 2,5 %		2 câu 0,5 điểm 5 %
5.2	Chính sách tài khóa trong nền kinh tế đóng			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
5.3.	Chính sách tiền tệ trong nền kinh tế đóng			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
5.4.	Kết hợp chính sách trong nền kinh tế đóng				
6.	<i>Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế mở</i>				
6.1	Mô hình Mundell – Flemming				
6.2	Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế nhỏ, mở cửa, tỷ giá thả nổi		1 câu 0,25 điểm		1 câu 0,25 điểm

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
			2,5 %		2,5 %
6.3.	Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế nhỏ, mở cửa, tỷ giá cố định		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
II.	Tự luận				
1.	<i>Câu hỏi thảo luận</i>				<i>1 câu 2,5 điểm 25%</i>
1.1	Sử dụng mô hình Thị trường tiền tệ/AE /AD-AS/IS-LM/Mundell-Fleming phân tích các tình huống thực tế			1 câu 1,5 điểm 15%	1 câu 1,5 điểm 15%
1.2	Vẽ đồ thị			1 câu 1 điểm 10%	1 câu 1 điểm 10%
2.	<i>Bài tập tính toán</i>				<i>1 câu 2,5 điểm 25%</i>
2.1	Viết phương trình đường IS-LM		1 câu		1 câu

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
			1 điểm 10%		1 điểm 10%
2.2	Xác định mức thu nhập và lãi suất cân bằng		1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 0,5 điểm 5%
2.3	Để được mức thu nhập Y_1 cho trước thì cần thay đổi chỉ tiêu của chính phủ (G_1) như thế nào?			1 câu 0,5 điểm 5%	1 câu 0,5 điểm 5%
2.4.	Để được mức thu nhập Y_2 cho trước thì cần thay đổi cung tiền (MS_2) như thế nào?			1 câu 0,5 điểm 5%	1 câu 0,5 điểm 5%
	Tổng số câu Tổng số điểm Tỷ lệ %	4 câu 1,0 điểm 10%	13 câu 4,25 điểm 42,5%	9 câu 4,75 điểm 47,5%	25 câu 10,0 điểm 100%